

1 GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU (VGS)

■ GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Toàn Cầu được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 83/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008.

- Vốn pháp định: 35.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND
- Địa chỉ: 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (84 – 08) 405 0333 Fax: (84 – 08) 405 0111
- Mã số thuế: 0305453780

■ Ra đời trong bối cảnh Thị trường chứng khoán Việt Nam đang phát triển vượt bậc, số lượng các công ty chứng khoán mới ra đời tiếp tục gia tăng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (VGS) luôn ý thức rằng sự thành công trong lĩnh vực dịch vụ tài chính đòi hỏi không chỉ có một đội ngũ nhân viên có kiến thức chuyên môn cao, dịch vụ cung cấp hiệu quả dựa trên nền tảng của công nghệ hiện đại mà còn đòi hỏi sự tận tụy, trung thực, kinh nghiệm và lòng đam mê nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên.

■ Với mục tiêu tối đa hóa giá trị của nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ thỏa mãn cao nhất nhu cầu của Khách hàng, không ngừng sáng tạo và nâng cao chất lượng dịch vụ, VGS đi vào hoạt động với tinh thần coi cạnh tranh là động lực, lợi ích khách hàng là mục tiêu, chất lượng dịch vụ là niềm đam mê.

■ VGS cam kết mang lại các dịch vụ tài chính và các giải pháp cho khách hàng với chất lượng quốc tế, chuyên nghiệp và hiệu quả nhất, góp phần vào việc xây dựng một thị trường tài chính lành mạnh, phát triển bền vững và ổn định.

■ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty chỉ tập trung vào hai lĩnh vực hoạt động chính là **Môi giới chứng khoán** và **Tư vấn đầu tư chứng khoán**. Do đó, các hoạt động này được đầu tư và phát triển một cách chuyên sâu, Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tinh thần làm việc cao, được đào tạo và phân công theo từng khách hàng, đảm bảo thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

■ CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

- Ngày 16 tháng 01 năm 2008 được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, số 83/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Ngày 16 tháng 01 năm 2008 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, số 10/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Ngày 10 tháng 03 năm 2008 được công nhận tư cách thành viên giao dịch tại SGDCK Tp.HCM, số 88/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM cấp.
- Ngày 10 tháng 03 năm 2008 Công ty Cổ Phần Chứng khoán Toàn Cầu chính thức đi vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

- Ngày 08 tháng 09 năm 2008 được công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, số 309/QĐ-TTGDHN của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.

TÂM NHÌN

VGS phấn đấu trở thành định chế tài chính được tin cậy, không ngừng gia tăng giá trị, lợi ích cho khách hàng, cổ đông và cán bộ công nhân viên của Công ty, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường tài chính Việt Nam.

SỨ MỆNH

VGS là cầu nối giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước, giữa thị trường tài chính Việt Nam và thị trường tài chính Quốc tế.

CAM KẾT

- VGS mang đến các giải pháp hoàn hảo về thị trường; các tiện ích gia tăng và các dịch vụ hỗ trợ đầu tư phát triển cho khách hàng nhanh nhất, hiệu quả nhất, góp phần hoàn thiện và chuẩn hóa các hoạt động của thị trường tài chính Việt Nam.
- VGS cam kết là người bạn đồng hành, luôn mang đến sự tin tưởng, thoải mái và là bộ phận cho Khách hàng khi muốn vươn ra thị trường tài chính Quốc tế.
- VGS không ngừng nỗ lực để nâng cao môi trường làm việc và chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TIỀN PHONG

VGS là người đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất phục vụ khách hàng, xây dựng văn hóa Công ty và môi trường làm việc chuyên nghiệp, không ngừng học hỏi để đổi mới, sáng tạo để phục vụ lợi ích khách hàng, cổ đông và xã hội.

UY TÍN

VGS tạo nên sự tin tưởng đối với Khách hàng bằng cách xây dựng và thực hiện mọi hoạt động dựa trên cơ sở của sự minh bạch, trung thực, chuyên nghiệp và tôn trọng đạo đức nghề nghiệp.

HIỆU QUẢ

VGS luôn lắng nghe ý kiến từ phía Khách hàng để tìm ra giải pháp hiệu quả nhất, phù hợp cho từng cá nhân, tổ chức. Công ty khuyến khích nỗ lực của từng cá nhân tuy nhiên chúng tôi cũng nhận ra rằng nỗ lực của cả tập thể mới đem lại hiệu quả cao nhất đối với công việc.

TĂNG TRƯỞNG			
▪ Tốc độ tăng trưởng doanh thu giảm so với năm 2012. ▪ Lợi nhuận giảm trong thời điểm thị trường khó khăn.			
Chỉ tiêu	2013	2012	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần	5.563.229.487	16,421,340,460	-33.8%
Lợi nhuận trước thuế	303.368.566	1,572,343,273	-19.29%
Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2013			

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ	
▪ Song song cùng với hoạt động kinh doanh, chúng tôi đã thực hiện thành công việc chuyển đổi hệ thống giao dịch, kế toán dựa trên nền tảng BOSC sang áp dụng hệ thống phần mềm mới do Công ty tự phát triển dựa trên nền tảng của hệ thống cũ và học tập các hệ thống tiên tiến khác, áp dụng các công nghệ mới nhất nhằm nâng cao tốc độ xử lý 11ms/ 1 lệnh, đảm bảo tính bảo mật cao- chỉ nhân viên quản lý khách hàng mới có thể truy xuất được dữ liệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về trạng thái danh mục đầu tư để hỗ trợ nhân viên môi giới chăm sóc nhà đầu tư. ▪ Hệ thống Online Trading cùng với bảng điện tử online của chúng tôi là hệ thống nhanh nhất vào thời điểm hiện tại với đầy đủ các thông tin cần thiết để các nhà đầu tư chứng khoán có thể tham khảo, phục vụ cho quyết định đầu tư của bản thân, ví dụ như: các thông tin về tra cứu số dư dòng tiền, dòng chứng khoán T+1, T+2, T+3, lịch sử lệnh, lịch sử giao dịch tiền, thông tin quyền, thực hiện quyền, thông tin hỗ trợ thanh toán...	

NHÂN SỰ	
▪ Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng đặc biệt đối với sự thành công trong các hoạt động của Công ty. Vì vậy, xây dựng được một đội ngũ lao động giỏi chính là xây dựng được một nền tảng vững chắc cho sự thành công của Công ty. ▪ Để thực hiện chiến lược lâu dài về bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân sự, Công ty sẽ tiến hành tuyển chọn các cán bộ trẻ, nhiệt tình, năng động, được đào tạo cơ bản tại các trường đại học trong và ngoài nước để tiếp tục đào tạo, cọ xát công việc và tích lũy kinh nghiệm. ▪ Công ty Chứng khoán Toàn Cầu xây dựng một môi trường thân thiện và chuyên nghiệp, tạo điều kiện tối đa đối với mọi người phát huy khả năng bản thân đồng thời phát huy sức mạnh của tập thể để mang lại chất lượng tốt nhất cho các dịch vụ phục vụ khách hàng.	

3

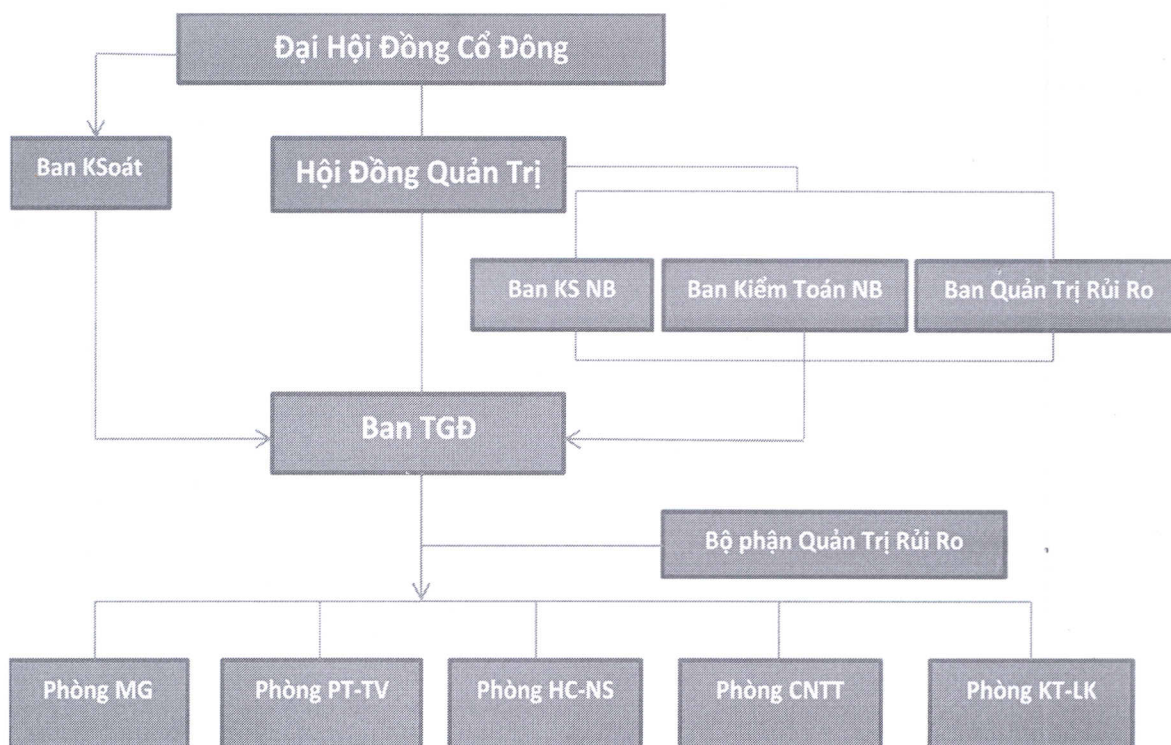
CƠ CẤU HOẠT ĐỘNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ TẠI NGÀY 31/12/2013

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)	SỐ TIỀN (VND)
1	Công ty Đầu Tư – Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	700.000	20	7.000.000.000
2	Công ty TNHH Xây Dựng An Cư	700.000	20	7.000.000.000
3	Ông Mai Văn Công	525.000	15	5.250.000.000
4	Ông Châu Vinh Quang	525.000	15	5.250.000.000
5	Ông Nguyễn Bảo Thành	525.000	15	5.250.000.000
6	Ông Hoàng Biểu	525.000	15	5.250.000.000
TỔNG		3.500.000	100	35.000.000.000

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2013

4 GIỚI THIỆU CỔ ĐÔNG

Công ty Cổ phần Đầu tư – Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam (SEI)

Tên giao dịch quốc tế: Southern Engineering & Informatics – Investment Corporation
Tên viết tắt: Công ty Cổ phần Phương Nam
Tên viết tắt tiếng Anh: S.E.I
Vốn điều lệ: 500.000.000.000 VNĐ
Trụ sở: Lô 2-4-6 đường C, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

SEI được chuyển đổi từ Công ty TNHH Điện tử Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam, được thành lập theo quyết định số 1614/GP-Ub do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 1996, là cổ đông sáng lập của Tập đoàn Tân Tạo (ITA GROUP). Công ty đã tham gia tư vấn thiết kế và giám sát hơn 250 công trình công nghiệp và dân dụng trong nhiều khu công nghiệp, chế xuất khác nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh....từ các nhà xưởng phục vụ sản xuất đến quy hoạch chi tiết các khu dân cư...trong các dự án của Tập đoàn Tân Tạo.

Năm 2002, Công ty đã mở rộng ra nước ngoài bằng hình thức liên doanh thành lập Công ty US SOUTHERN CORP đặt văn phòng tại tiểu bang Texas và tiểu bang Florida Hoa Kỳ. SEI đang cùng US SOUTHERN CORP triển khai thực hiện dự án DIAMOND STAR khu biệt thự cao cấp đặt tại trung tâm thành phố Houston, thủ phủ bang Texas, Hoa Kỳ.

Công ty TNHH Xây dựng An Cư

Địa chỉ: Lầu 3 - 30 Mạc Đình Chi - Phường ĐaKao - Quận 1 - TP.HCM
Điện thoại: 0838293027 Fax: (84.8) 8 241 323
Email: welcome@ancucompany.com
Website: www.ancucompany.com

Các dịch vụ kinh doanh :

- Tư vấn , thiết kế , trang trí nội thất công trình
- Thi công xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất vật liệu xây dựng , kinh doanh nhà , thương mại...

Công ty TNHH Xây dựng An Cư được thành lập vào ngày 15 tháng 2 năm 1992 theo giấy phép kinh doanh thành lập số 51/GP-UB của UBND TP.HCM và giấy phép đăng ký kinh doanh số 046834. Với 18 năm hình thành và phát triển từ một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, những năm gần đây, trong chiến lược phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ, chuẩn hóa hệ thống và đội ngũ quản lý, mở rộng quy mô sản xuất, dịch vụ kinh doanh. Công ty cũng đã, đang và sẽ đầu tư tài chính với hình thức là cổ đông sáng lập, cổ đông chiến lược của các công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh tiềm năng trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh cũng như cả nước



5 GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Phú Mỹ	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
2	Ông Châu Vinh Quang	Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
3	Ông Mai Văn Công	Thành viên
4	Ông Nguyễn Bảo Thành	Thành viên
5	Ông Hoàng Biểu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Châu Vinh Quang	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Cảnh	Quyền Kế toán Trưởng

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

NĂM 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND			
STT	NỘI DUNG	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM
I	Tài sản ngắn hạn	52.264.574.361	53.972.934.629
1	Tiền	2.383.608.654	8.975.341.012
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		
	- Chứng khoán tự doanh		
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người uỷ thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	43.106.460.325	44.938.073.617
4	Vật liệu, công cụ tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	6.774.505.382	59.520.000
II	Tài sản dài hạn	4.530.461.052	3.892.230.563
1	Tài sản cố định	3.837.649.415	3.023.716.160
	- Tài sản cố định hữu hình	2.811.607.150	2.149.201.947
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình	1.026.042.265	874.514.213
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4	Tài sản dài hạn khác	692.811.637	868.514.403
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	56,795,035,413	56,795,035,413
IV	Nợ phải trả	25.425.440.798	26.192.202.011
1	Nợ ngắn hạn	25.425.440.798	26.192.202.011
2	Nợ dài hạn		
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	31.369.594.615	31,672.963.181
1	Vốn góp ban đầu	35.000.000.000	35.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	- 3.630.405.385	- 3.327.036.819
4	Vốn điều chỉnh		

VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	56.795.035.385	57.865.165.192
------------	----------------------------	-----------------------	-----------------------

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	NỘI DUNG	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	16.421.340.460	5.563.229.487
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần	16.421.340.460	5.563.229.487
4	Thu lãi đầu tư		
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-
7	Lợi nhuận gộp	16.421.340.460	5.563.229.487
8	Chi phí quản lý	2.293.176.772	2.400.634.711
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.572.343.273	869.418.004
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	-	85.663.337
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.572.343.273	303.368.566
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)		
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
14	Lợi nhuận sau thuế	1.572.343.273	303.368.566
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)	449	87
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)	-	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Cơ cấu tài sản				
1	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	93.27	92.02
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		6.73	7.98
Cơ cấu nguồn vốn				
2	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	45	43
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		54.74	55.23
Khả năng thanh toán				
3	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.343	0.938
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2.060	2.056
Tỷ suất lợi nhuận				
4	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.52	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.45	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0.96	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

7 BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số : 0123/2014/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU.

Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014, từ trang 7 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2014

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất
Việt**

VÕ THẾ HOÀNG- Giám đốc điều hành

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832 -2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Việtland



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53,972,934,629	52,264,574,361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8,975,341,012	2,383,608,654
Tiền	111		8,975,341,012	2,383,608,654
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44,938,073,617	43,106,460,325
1 Phải thu khách hàng	131	V.2	45,238,194,882	43,396,479,958
2 Trả trước cho người bán	132	V.3	58,608,000	67,608,000
3 Các khoản phải thu khác	133	V.4	1,453,663	2,555,295
4 Dự phòng phải thu khó đòi	134	V.5	(360,182,928)	(360,182,928)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		59,520,000	6,774,505,382
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	59,520,000	6,774,505,382
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,892,230,563	4,530,461,052
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3,023,716,160	3,837,649,415
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2,149,201,947	2,811,607,150
Nguyên giá	222		5,432,661,151	5,613,161,151
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,283,459,204)	(2,801,554,001)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.8	874,514,213	1,026,042,265
Nguyên giá	228		1,515,280,520	1,515,280,520
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(640,766,307)	(489,238,255)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		868,514,403	692,811,637
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	82,630,671	185,695,753
2 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	785,883,732	507,115,884
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57,865,165,192	56,795,035,413

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		26,192,202,011	25,425,440,798
I. Nợ ngắn hạn	310		26,192,202,011	25,425,440,798
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	20,000,000,000	20,140,000,000
2 Phải trả người bán	312	V.12	659,294,379	659,294,379
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	466,781,430	415,423,012
5 Phải trả người lao động	315		6,406,816	28,338,103
6 Chi phí phải trả	316	V.14	1,296,637,808	-
7 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.15	2,353,170,223	1,272,085,598
8 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.16	67,030	670,042,475
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	329	V.17	1,409,844,325	2,240,257,231
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31,672,963,181	31,369,594,615
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	31,672,963,181	31,369,594,615
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35,000,000,000	35,000,000,000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	420		(3,327,036,819)	(3,630,405,385)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57,865,165,192	56,795,035,413

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	4			-
Chứng khoán lưu ký	6		726,653,080,000	1,786,679,590,703
Trong đó:				
Chứng khoán giao dịch	7		222,973,080,000	35,240,703
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	9		222,973,080,000	35,240,703
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	12		25,000,000,000	116,214,000,000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>	14		25,000,000,000	116,214,000,000
Chứng khoán cầm cố	17		478,680,000,000	1,663,780,350,000
<i>Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước</i>	19		478,680,000,000	1,663,780,350,000
Chứng khoán chờ thanh toán	27		-	6,650,000,000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>	29		-	6,650,000,000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

MẪU B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu	1	VL1	5,563,229,487	16,421,340,460
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.1		246,017,669	2,513,315,675
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.5		546,816,715	-
- Doanh thu khác	1.9		4,770,395,103	13,908,024,785
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		5,563,229,487	16,421,340,460
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VL2	2,400,634,711	8,830,875,164
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		3,162,594,776	7,590,465,296
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL3	2,293,176,772	6,018,122,023
10 Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		869,418,004	1,572,343,273
11 Thu nhập khác	31		85,663,337	-
12 Chi phí khác	32		651,712,775	-
13 Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(566,049,438)	-
14 Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		303,368,566	1,572,343,273
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16 Thu nhập/ (Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		303,368,566	1,572,343,273
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL4	87	449

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2013

Mẫu B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	1		303,368,566	1,572,343,273
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	2		736,766,592	776,349,926
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5		(15,557,917)	(180,149,387)
- Chi phí lãi vay	6		1,642,637,808	7,326,721,465
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		2,682,772,966	9,495,265,277
- Tăng các khoản phải thu	9		4,604,604,242	16,902,921,987
- Giảm các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		906,761,213	(31,376,131,106)
- Tăng chi phí trả trước	12		103,065,082	117,209,432
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,642,637,808)	(7,326,721,465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6,654,565,695	(12,187,455,875)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		180,500,000	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		(103,333,337)	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức	27		15,557,917	180,149,387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		92,724,580	180,149,387
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	3,737,000,000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(140,000,000)	(13,947,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(140,000,000)	(10,210,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6,607,290,275	(22,217,306,488)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2,383,608,654	24,600,915,142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8,990,898,929	2,383,608,654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2013

Mẫu B 09a-DN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Toàn Cầu (sau đây được gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
- **Nhân viên** : Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 7 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 20 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ 6 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định như sau:

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (gọi tắt là Thông tư 45). Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013.

Công ty đã áp dụng Thông tư 45 trong việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định từ năm 2013, Công ty đánh giá việc áp dụng Thông tư 45 này không ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm khoản phải trả người bán và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

6. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi và cho vay có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công ty trích lập dự phòng theo Thông tư 228:

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ

Nhà cửa, vật kiến trúc

Số năm khấu hao

10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Máy móc và thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8
Tài sản cố định khác	10

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí sửa chữa, cải tạo các giếng nước và sửa chữa hàng rào, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 24 tháng.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận chuyển sang công cụ dụng cụ theo qui định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ vào chi phí trong vòng 03 năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập theo quyết định của Hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu môi giới mua và bán chứng khoán được ghi nhận tại ngày phát sinh giao dịch, khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng;

Doanh thu tiền lãi ngân hàng, lãi cổ tức được ghi nhận theo thông báo của bên còn lại;

Doanh thu tiền lãi hỗ trợ mua bán chứng khoán căn cứ vào hợp đồng với nhà đầu tư.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

14. Thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành đối với hoạt động môi giới chứng khoán là 25%.

Năm 2013 Công ty kinh doanh có lãi nên phát sinh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

v. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	10.622.160	951.882
Tiền gửi ngân hàng	8.964.718.852	2.382.656.772
Tương đương tiền	-	-
Cộng	8.975.341.012	2.383.608.654

2. Phải thu của khách hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tạ Duy Toàn	14.130.856.586	12.488.213.140
Nguyễn Thị Kim Sương	2.960.063.226	2.982.346.267
Võ Ngọc Bảo Trân	6.217.611.941	5.735.778.664
Nguyễn Thị Kê	5.440.623.270	4.808.177.239
Lê Anh Tuấn	3.665.132.926	3.239.752.794
Nguyễn Thị Kim Liên	1.223.352.713	2.995.673.582
Dương Quỳnh Anh	1.427.896.307	1.277.233.791
Võ Quang Hiếu	3.741.516.377	3.405.934.529
Phải thu khác	6.431.141.536	6.463.369.952
Cộng	45.238.194.882	43.396.479.958
Trong đó:		
Các khoản phải thu khách hàng	292.574.928	362.044.928
Các khoản phải thu từ nhà đầu tư (*)	44.945.619.954	43.034.435.030
(*): Nợ gốc và lãi tiền hỗ trợ nhà đầu tư chứng khoán		
3. Trả trước cho người bán		
Khách hàng khác	58.608.000	58.608.000
Cộng (*)	58.608.000	58.608.000
(*) Khoản công nợ không chi tiết rõ đối tượng từ các năm trước		
4. Các khoản phải thu khác		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nộp thừa	1.453.663	2.555.295
Cộng	1.453.663	2.555.295
5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
Ông Trần Phú Mỹ	-	-
Trả trước cho người bán	67.608.000	67.608.000
Nguyễn Thị Kim Sương	109.015.928	109.015.928
Khách hàng khác	183.559.000	183.559.000
Cộng	360.182.928	360.182.928
6. Tài sản ngắn hạn khác		
Ký quỹ ngắn hạn	-	348.845.382
Tạm ứng nhân viên	59.520.000	6.425.660.000
Lê Thị Kim Liên	-	6.371.140.000
Nguyễn Mạnh Toàn	49.740.000	49.740.000
Khác	9.780.000	4.780.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cộng	59.520.000	6.774.505.382
------	------------	---------------

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	5.156.572.936	456.588.215	5.613.161.151
2. Tăng trong năm	-	8.481.000	8.481.000
3. Giảm trong năm	-	188.981.000	188.981.000
4. Số cuối năm	5.156.572.936	276.088.215	5.432.661.151
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	2.530.918.899	270.635.102	2.801.554.001
2. Tăng trong năm	538.867.982	46.370.558	585.238.540
3. Giảm trong năm	-	103.333.337	103.333.337
4. Số cuối năm	3.069.786.881	213.672.323	3.283.459.204
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	2.625.654.037	185.953.113	2.811.607.150
2. Số cuối năm	2.086.786.055	62.415.892	2.149.201.947

8. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	459.355.520	1.055.925.000	1.515.280.520
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	459.355.520	1.055.925.000	1.515.280.520
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	218.193.882	271.044.373	489.238.255
2. Tăng trong năm	45.935.552	105.592.500	151.528.052
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	264.129.434	376.636.873	640.766.307
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	241.161.638	784.880.627	1.026.042.265
2. Số cuối năm	195.226.086	679.288.127	874.514.213

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
----------	------------	----------------	------------------------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Chi phí sửa chữa	161.755.391	-	91.184.006	70.571.385
Công cụ dụng cụ	23.940.362	8.481.000	20.362.076	12.059.286
Cộng	185.695.753	8.481.000	111.546.082	82.630.671

10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu	507.115.884	486.805.081
Tiền nộp bổ sung hàng năm	96.483.128	20.310.803
Tiền lãi phân bổ hàng năm	182.284.720	-
Cộng	785.883.732	507.115.884

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Số cuối năm
Vũ Thị Hạnh	20.140.000.000	-	140.000.000	20.000.000.000
Cộng (*)	20.140.000.000	-	140.000.000	20.000.000.000

(*) Vay ngắn hạn bà Vũ Thị Hạnh

Hợp đồng:	Hợp đồng vay số 01/2012/HĐTD/VGS ngày 13/11/2012.
Thời hạn vay:	1 tháng.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động.
Lãi suất:	13%/năm. Mức lãi suất phạt quá hạn là 19,5%.

12. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Thị Phương Lan	46.970.000	-
Mai Chi Mai	601.524.379	-
Khách hàng khác	10.800.000	10.800.000
Cộng (*)	659.294.379	10.800.000

(*) Tổng giá trị công nợ chưa nhận được thư xác nhận: 659.294.379 VND

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	80.163.392	2.980.000	-	83.143.392
Thuế thu nhập cá nhân	335.259.620	48.378.418		383.638.038
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	415.423.012	54.358.418	3.000.000	466.781.430

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng :
Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán : 10%
Hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn : Không chịu thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh V.11

- Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau. Số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

- Các khoản phải nộp khác:

Khoản phí môi trường phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ.

14. Chi phí phải trả

Trích trước chi phí lãi vay	1.296.637.808	-
Cộng	1.296.637.808	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	-	212.360.027
Phải trả khoản tiền gửi của nhà đầu tư	2.353.170.223	1.059.725.571
Lê Quang Danh	78.444.176	76.885.261
Trần Quang Đông	101.591.761	99.572.581
Nhâm Hữu Hải	123.317.282	123.317.282
Trần Thanh Bình	339.909.587	87.166.256
Trương Ngọc Minh Đăng	22.453.270	-
Nguyễn Thị Dung	20.589.147	-
Công ty chứng khoán Toàn Cầu	28.000.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại và Dịch vụ Minh đăng	62.179.257	-
Nguyễn Thị Sương	468.247.057	-
Võ Tánh Xuân	141.264.251	-
Tạ Ngọc Đa	127.146.718	-
Kanehoshi Rie	-	76.085.208
Quỹ ITA vì tương lai	-	66.820.868
Nguyễn Đức Hùng	-	77.311.097
Khách hàng khác	840.027.717	452.567.018
Cộng	2.353.170.223	1.272.085.598

16. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	67.030	670.042.475
Cộng	67.030	670.042.475

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	48.956.937	39.899.843
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.360.887.388	2.200.357.388
Phải trả chi phí trước thành lập - Nguyễn Ngọc Thắng	124.780.000	124.780.000
Trần Phú Mỹ (*)	1.230.000.000	2.000.000.000
Phải trả khác	6.107.388	75.577.388
Cộng	1.409.844.325	2.240.257.231

(*) Đây là khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, đơn vị chưa cung cấp hợp đồng vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu
Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	Cộng
Số dư đầu năm	35.000.000.000	(3.630.405.385)	31.369.594.615
Lợi nhuận năm 2013	-	303.368.566	303.368.566
Số dư cuối năm	35.000.000.000	(3.327.036.819)	31.672.963.181

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu thưởng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu thưởng
		Giá trị (VND)		Giá trị (VND)
Công ty Đầu Tư – Tin học và Tư vấn xây dựng Phương Nam	20,00	7.000.000.000	20,00	7.000.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng An Cư	20,00	7.000.000.000	20,00	7.000.000.000
Ông Mai Văn Công	15,00	5.250.000.000	15,00	5.250.000.000
Ông Châu Vĩnh Quang	15,00	5.250.000.000	15,00	5.250.000.000
Ông Nguyễn Bảo Thành	15,00	5.250.000.000	15,00	5.250.000.000
Ông Hoàng Biều	15,00	5.250.000.000	15,00	5.250.000.000
Cộng	100,00	35.000.000.000	100,00	35.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 đồng/ cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	246.017.669	2.467.315.675
Doanh thu tư vấn	546.816.715	116.216.916
Doanh thu khác	4.770.395.103	13.837.807.869
Doanh thu lãi hỗ trợ đầu tư chứng khoán	4.572.552.466	13.657.658.482
Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng	15.557.917	180.149.387
Doanh thu khác	182.284.720	
Cộng	5.563.229.487	16.421.340.460
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	5.563.229.487	16.421.340.460

2. Giá vốn hàng bán

Phí giao dịch chứng khoán	757.996.903	1.504.153.699
Chi phí hoạt động vốn kinh doanh	1.642.637.808	7.326.721.465
Cộng	2.400.634.711	8.830.875.164

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	810.354.312	2.045.525.361
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	115.360.882	502.779.465

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Chi phí khấu hao	736.766.592	776.349.926
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	360.182.928
Chi phí thuê nhà	-	1.506.217.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.602.853	139.401.928,00
Chi phí bằng tiền khác	520.092.133	684.664.433
Cộng	2.293.176.772	6.018.122.023

4. Thu nhập khác

Thanh lý tài sản	39.163.337	-
Thanh lý công cụ dụng cụ	44.500.000	-
Thu nhập khác	2.000.000	-
Cộng	85.663.337	-

5. Chi phí khác

Điều chỉnh khoản đặt cọc không thu hồi được	343.845.382	-
Thanh toán tiền phạt nộp chậm, vi phạm hành chính	19.599.734	-
Nộp tiền thuế truy thu và tiền nộp chậm	288.267.659	-
Cộng	651.712.775	-

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	303.368.566	1.572.343.273
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	303.368.566	1.572.343.273
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	87	449

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.500.000	3.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	3.500.000	3.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

trong kỳ

7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

Chi phí nhân viên	810.354.312	2.045.525.361
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	115.360.882	502.779.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	736.766.592	776.349.926
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	360.182.928
Chi phí thuê nhà	-	1.506.217.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.602.853	139.401.928
Chi phí bằng tiền khác	520.092.133	684.664.433
Chi phí giao dịch chứng khoán	757.996.903	1.504.153.699
Chi phí hoạt động vốn kinh doanh	1.642.637.808	7.326.721.465
Cộng	4.693.811.483	14.848.997.187

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trần Phú Mỹ	Chủ tịch HĐQT

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Năm nay
Ông Trần Phú Mỹ	
Hỗ trợ tiền ngắn hạn	2.730.000.000
Chi tiền thanh toán hỗ trợ ngắn hạn	3.500.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có số dư phải trả đối với ông Trần Phú Mỹ:

	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Phú Mỹ	1.230.000.000	2.000.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng		486.084.481

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Phụ cấp

Cộng

486.084.481

630.245.619

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động kinh doanh: Bộ phận kinh doanh nước và bộ phận xây lắp.

- Bộ phận môi giới và dịch vụ khách hàng: Kinh doanh môi giới chứng khoán; lưu ký chứng khoán, ...;
- Bộ phận kinh doanh nguồn vốn: Kinh doanh thông qua vốn sẵn có để lấy lãi (gửi tiền ngân hàng), hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư,...

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Bộ phận môi giới và dịch vụ	Bộ phận kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	3.581.749.799	54.290.049.730	-	57.871.799.529
Tài sản không phân bổ	-	-	(6.634.337)	(6.634.337)
Tổng tài sản				57.865.165.192
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	4.298.369.440	21.236.107.388	-	25.534.476.828
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	657.725.183	657.725.183
Tổng nợ phải trả				26.192.202.011
Số đầu năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	2.254.708.369	48.179.719.749	-	50.434.428.118

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tài sản không phân bổ	-	6.360.607.295	6.360.607.295
Tổng tài sản			56.795.035.413

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	2.590.622.452	22.146.107.388	-	24.736.729.840
Nợ phải trả không phân bổ			688.710.958	688.710.958
Tổng nợ phải trả				25.425.440.798

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Bộ phận môi giới và dịch vụ	Bộ phận kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Cộng
Doanh thu về hoạt động kinh doanh	792.834.384	4.770.395.103	-	5.563.229.487
Chi phí trực tiếp (chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp, chưa bao gồm chi phí khấu hao)	563.931.662	3.393.113.229	-	3.957.044.891
Chi phí khấu hao	104.999.064	631.767.528	-	736.766.592
Lãi (lỗ) khác	-	-	(566.049.438)	(566.049.438)
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	123.903.658	745.514.346	(566.049.438)	303.368.566
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-	-
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế				303.368.566

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Năm trước	Bộ phận môi giới và dịch vụ	Bộ phận kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Cộng
Doanh thu về hoạt động kinh doanh	2.583.532.591	13.837.807.869	-	16.421.340.460
Chi phí trực tiếp (chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp, chưa bao gồm chi phí khấu hao)	2.214.017.968	11.858.629.293	-	14.072.647.261
Chi phí khấu hao	122.141.389	654.208.537	-	776.349.926
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	247.373.234	1.324.970.039	-	1.572.343.273
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-	-
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế				1.572.343.273

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.975.341.012	2.383.608.654
Phải thu khách hàng	45.238.194.882	43.396.479.958
Các khoản phải thu khác	-	-
Ký quỹ ngắn hạn	-	348.845.382
Cộng	54.213.535.894	46.128.933.994

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	20.000.000.000	20.140.000.000
Phải trả người bán	659.294.379	659.294.379
Chi phí phải trả	1.296.637.808	-
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	67.030	670.042.475
Các khoản phải trả khác	1.360.887.388	2.200.357.388
Cộng	23.316.886.605	23.669.694.242

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát hành từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay,...).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các cá nhân có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ngoài các khoản phải thu khách hàng không có khả năng thu hồi đã lập dự phòng Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi, Công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản phải thu phát sinh trong năm, chỉ còn phải thu bà Nguyễn Thị Phương Lan số tiền 69.470.000VND.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các khách hàng ứng trước tiền bán cổ phiếu dưới hình thức cầm cố chính các cổ phiếu khách hàng đã mua.

Các khoản phải thu về cho vay này được trình bày ở chỉ tiêu “Phải thu khách hàng – Nhà đầu tư”.

Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn hoặc quá hạn không quá 15 ngày và không bị suy giảm vì liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Phải trả người bán	-	659.294.379	-	659.294.379
Chi phí phải trả	1.296.637.808	-	-	1.296.637.808
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	67.030	-	67.030
Các khoản phải trả khác	1.360.887.388	-	-	1.360.887.388
Cộng	22.657.525.196	659.361.409	-	23.316.886.605

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ	20.140.000.000	-	-	20.140.000.000
Phải trả người bán	-	659.294.379	-	659.294.379
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	670.042.475	-	670.042.475
Các khoản phải trả khác	2.200.357.388	-	-	2.200.357.388
Cộng	22.340.357.388	1.329.336.854	-	23.669.694.242

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.975.341.012	-	-	8.975.341.012
Phải thu khách hàng	45.238.194.882	-	-	45.238.194.882
Cộng	54.213.535.894	-	-	54.213.535.894

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.383.608.654	-	-	2.383.608.654
Phải thu khách hàng	43.396.479.958	-	-	43.396.479.958
Ký quỹ ngắn hạn	348.845.382	-	-	348.845.382
Cộng	46.128.933.994	-	-	46.128.933.994

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Trần Phú Mỹ